

CẢI CÁCH CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN ⁽¹⁾- ĐÁP ỨNG NHU CẦU NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

PGS. TS Đặng Danh Ánh

Viện nghiên cứu Đào tạo và Tư vấn KH-CN

Khi đề cập tới hệ thống giáo dục quốc dân (GDQD)⁽²⁾ tôi cứ tự hỏi *vì sao cần cải cách cơ cấu hệ thống GDQD* hiện nay. Nhìn chung, tác giả viết bài này với ý thức xây dựng, nói thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật (theo tinh thần Đại hội Đảng lần thứ VI). Ý thức ấy không xuất phát từ dụng ý xấu hay nhằm phủ nhận những thành tựu mà nền giáo dục nước nhà đã đạt được mà xuất phát từ sự tâm huyết đối với sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, từ sự nhận thức của tác giả rằng: Nhà nước, ngành Giáo dục và toàn xã hội phải làm nhiều hơn nữa cho giáo dục, bản thân ngành giáo dục phải đổi mới mạnh mẽ có tính cách mạng hơn nữa nếu muốn đạt được mục đích của mình.

Từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến nay, chúng ta đã tiến hành ba cuộc cải cách giáo dục (CCGD): cuộc CCGD lần thứ nhất bắt đầu từ năm 1950 chuyển hệ thống phân ban tú tài cũ sang hệ thống phổ thông (PT) 9 năm; cuộc CCGD lần thứ hai bắt đầu năm 1956 chuyển hệ thống PT 9 năm sang hệ thống PT 10 năm; cuộc CCGD lần thứ ba bắt đầu năm 1979 theo nghị quyết số 14 NQ/TW ngày 11/1/1979 của Bộ Chính trị (khóa IV)...chuyển hệ thống PT 10 năm sang hệ thống PT 12 năm. Cho đến nay cuộc CCGD ấy vẫn được tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp với công cuộc đổi mới do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo. Tác dụng của ba cuộc CCGD là thúc đẩy hệ thống GDQD phát triển. Không ai có thể phủ nhận được những thành tựu to lớn của giáo dục trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Không ai có thể phủ nhận được những đóng góp của giáo dục vào phát triển kinh tế và xã hội trong thời kỳ đổi mới: tỷ lệ tăng trưởng kinh tế bình quân trong nhiều năm qua là khoảng 7 đến 7,5%/năm - có sự đóng góp trực tiếp của nguồn nhân lực - sản phẩm của giáo dục, đào tạo.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nền giáo dục nước nhà bị xã hội phê phán từ nhiều phía, giáo dục chưa tìm được sự đồng thuận chẳng những đối với các cấp chính quyền mà còn cả người dân nữa. Ngành giáo dục đã, đang cố gắng tìm mọi cách để sửa

¹ - CCGD bao gồm : Cải cách cơ cấu hệ thống giáo dục cải cách nội dung giáo dục, cải cách phương pháp giáo dục. Trong bài này chúng tôi chỉ đề cập đến cải cách cơ cấu hệ thống giáo dục.

² - Thuộc Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 3 (VNS 2008).

chữa những yếu kém, bất cập. Nhưng càng sửa chữa, càng lúng túng, chưa tìm được căn bệnh chính, chưa điếm đúng huyết. Theo chúng tôi, những căn bệnh chính cần chữa là *nằm trong cơ cấu hệ thống GDQD*. Hệ thống GDQD ví như ngôi nhà của bạn, khi ngôi nhà đang bị siêu vẹo, mái nhà đang dột nát thì mọi trang trí nội thất đều trở nên vô nghĩa. Do vậy, *việc trước tiên cần làm ngay là cải cách cơ cấu hệ thống GDQD hiện nay* vì những *yếu kém* sau đây :

1/ Mất cân đối về các loại hình trường và đội ngũ giáo viên ⁽³⁾

Bậc học		Số trường năm học 2006 - 2007	Số giáo viên năm 2006 - 2007
GD phổ thông (GDPT)		27.956 trong đó có 12.755 là trường THCS + THPT	780.601
GD Nghề nghiệp	Dạy nghề (DN)	262	8.394
	TCCN	269	14.540
GD Đại học + Cao đẳng (GDDH)		322 chưa kể các trường thành viên của các ĐHQG và khu vực	53.518

Các số liệu trên làm cho hệ thống giáo dục bị ***dị dạng : đầu to, đáy to, thân hình bị thắt lại***. Hệ thống dạy nghề đáng lẽ phải được “*phát triển với qui mô lớn*” ⁽⁴⁾ để vừa kế tục các cấp học phổ thông nhằm đáp ứng nhu cầu “*mở rộng đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ nhiều trình độ...*” ⁽⁵⁾ vừa tạo cơ hội đồng đều cho mọi công dân học lấy một nghề thích hợp, nhưng trên thực tế hệ thống ấy còn quá nhỏ bé: số lượng trường dạy nghề chỉ $\approx 1/105$ tổng số trường phổ thông; số giáo viên dạy nghề $\approx 1/98$ tổng giáo viên phổ thông. Còn số giáo viên đại học, cao đẳng lớn hơn giáo viên dạy nghề 7 lần. Hiện nay Bộ Giáo dục - Đào tạo đã tạo ra nhiều cơ chế thông thoáng trong quản lý nên nhiều trường dạy nghề đầu đàn đã được chuyển thành trường trung học chuyên nghiệp, trường trung học chuyên nghiệp được chuyển thành trường cao đẳng, trường cao đẳng chuyển thành trường đại học. Hiện tượng này vẫn còn đang tiếp diễn. Tình hình đó làm cho hệ thống dạy nghề đã yếu lại càng yếu hơn.

Người ta có thể tự hỏi vì sao các nghị quyết của Đảng hay như thế mà không được triển khai trên thực tế và vì sao ngành Dạy nghề vẫn phát triển chậm, không sao “*bứt phá*” lên được.

³ - Nguồn : Bộ GD-ĐT và Tổng cục Dạy nghề

⁴ - Nghị quyết của Bộ chính trị (khóa IV) về CCGD. NXB Sự thật - Hà Nội 1979, tr18

⁵ - Văn kiện Đại hội Đảng IX. NXB Chính trị Quốc gia - Hà Nội 2001, tr202

2/ Mất cân đối trong cơ cấu phân luồng học sinh phổ thông (PLHSPT) sau trung học và công tác hướng nghiệp yếu (xem chi tiết của Đặng Danh Ánh : Tư vấn nghề và PLHS sau trung học, đọc tại hội thảo quốc tế “*đối thoại Pháp - Á về hướng nghiệp*” do Đại sứ quán Pháp và ĐHQG Hà Nội tổ chức 11/1/2005).

Văn kiện Đại hội IX của Đảng đã khẳng định: “*coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học, chuẩn bị cho thanh niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương...*”

⁽⁶⁾ nhưng chúng ta đã không làm được như vậy. Trong nhiều năm qua, công tác hướng nghiệp và PLHS sau trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) còn yếu kém ⁽⁷⁾ và chưa được quan tâm đúng mức; ⁽⁸⁾ điều đó được thể hiện như sau :

2.1. PLHS sau THCS vào THPT rất cao: có sự tăng đột biến trong việc tuyển mới học sinh sau THCS vào THPT từ 136.485 học sinh (**40,27%**) năm học 1990 - 1991 tăng lên 1.260.145 học sinh (**79,8%**) năm học 2005 - 2006 ⁽⁹⁾. Trong khi đó Trung Quốc (ở sát ta, có phong tục tập quán giống nhau, thể chế chính trị giống nhau, cùng đi lên từ một nước nông nghiệp lạc hậu và cùng là nước đang phát triển) đã làm một cuộc cách mạng trong PLHS sau THCS vào THPT rất thành công : từ 90% học sinh sau THCS vào THPT năm học 1979 - 1980 giảm xuống còn 43,3% năm học 1995 - 1996 ⁽¹⁰⁾. Số còn lại 56,7% đi học nghề.

Hãy xem PLHS sau THCS vào THPT ở một số nước:

+ CHLB Đức (2003) : 26% vào THPT; 74% vào trung học nghề (THN).

+ Thụy Sĩ (2003) : 30% vào THPT; 70% vào THN.

+ Mỹ (2000) : 76% vào THPT; 24% vào THN.

+ Nhật (2000) : 70% vào THPT; 30% vào THN.

+ Hàn Quốc (1982) : 50% vào THPT; 50% vào THN.

+ Hàn Quốc (2003) : 64% vào THPT; 36% vào THN.

+ Đài Loan (1995) : 20,9% vào THPT; 31% vào TCCN; 48% vào THN.

2.2. Chỉ tiêu ⁽¹¹⁾ PLHS sau THCS và THPT vào DN và THCN rất thấp ⁽¹²⁾:

+ Tuyển mới vào DN năm học 2005 - 2006 là 228.000 Hs (9,3%)

+ Tuyển mới vào THCN năm học 2005 -2006 là 273.239 Hs (7,8%)

2.3. Chỉ tiêu ⁽¹¹⁾ PLHS sau THPT vào CĐ, ĐH rất cao

⁶ - Văn kiện Đại hội IX, tr 109

⁷ - Dự thảo 5, báo cáo về tình hình GD của Chính phủ, tr5, tr12

⁸ - Báo cáo về tình hình GD của Chính phủ. tr10

⁹ - Nguồn Bộ GD-ĐT

¹⁰ - Sự phát triển GD ở TQ, UBGD Quốc gia nước CHNDTH 1997

¹¹ - Tính theo chỉ tiêu tuyển sinh do ngân sách nhà nước cấp cho hệ đào tạo chính qui dài hạn

¹² - Nguồn : Bộ GD-ĐT và Tổng cục Dạy nghề

Tổng số Hs tốt nghiệp THPT và Bổ túc văn hóa năm học 2005 - 2006 là 882.443 Hs được tuyển mới vào CĐ, ĐH là 411.631 Hs (**46,6%**). Đó là một tỷ lệ quá cao, chứ không phải là 5-6% như một vài người đã nêu trên báo chí. Khi bước vào CNH (năm 1960) như ta hiện nay, Nhật Bản có 4 triệu Hs trung học thì 1,8 triệu là Hs học nghề, CHLB Đức cứ 10 Hs trung học thì có 8 Hs học nghề.

2.4. Hậu quả của chính sách không đúng trong PLHS và trong hướng nghiệp Một là, Sự chênh lệch đáng kể giữa tỷ lệ PLHS sau THCS vào THPT (**79,8%**) so với DN (**9,3%**) sẽ tạo ra “*sức ép tâm lý*” rất lớn đối với HS, phụ huynh HS và toàn xã hội khi kỳ thi CĐ, ĐH đến gần. Chính điều này gây ra tình trạng “*quá tải*” “*chạy đua*” vào các trường CĐ, ĐH; đồng thời gây ra thảm trạng “*dạy thêm, học thêm*” tràn lan trong nhiều năm qua.

Hai là, các cuộc “chạy đua” đó gây tổn kém kinh phí không chỉ cho nhà nước mà còn đối với nhân dân nữa. Riêng việc đi lại, ăn ở của trên 2 triệu lượt thí sinh và gia đình hàng năm trung bình ước tính tổn khoảng 1000 tỷ đồng.

Ba là, **đa số các ngành** đào tạo trong trường TCCN và DN **chỉ cần tuyển HS sau THCS**, nhưng vì HS sau THPT thừa nhiều thì các trường TCCN và DN không “*dại gì*” mà không tuyển HS sau THPT. Như vậy, **số HS tốt nghiệp THCS** không được vào THPT (25% hàng năm) sẽ **không có cơ hội học tiếp** các trường TCCN và DN. Các hiện tượng tiêu cực, các tệ nạn xã hội từ đó mà ra.

Bốn là, sự bất hợp lý trong cơ cấu tuyển HS sau THPT vào CĐ, ĐH (**46,6%**) so với DN (**9,3%**) sẽ làm mất cân đối trầm trọng cơ cấu đào tạo và tất yếu làm mất cân đối cơ cấu nguồn nhân lực, cơ cấu các trình độ tại các doanh nghiệp.

3. Mất cân đối trong cơ cấu tuyển sinh và cơ cấu đào tạo

Tình hình PLHS sau trung học như trên đã làm nảy sinh sự mất cân đối trong cơ cấu tuyển sinh và cơ cấu đào tạo. Vấn đề này **diễn ra trong nhiều năm**, chúng tôi chỉ nêu lên năm 2005 - 2006 làm ví dụ :

- Về cơ cấu tuyển sinh⁽¹²⁾:

- + Tuyển mới vào Dạy nghề ; 228.000 học sinh (9,3%)
- + Tuyển sinh mới vào THCN : 273.239 học sinh (11,1%)
- + Tuyển mới vào CĐ, ĐH : 411.631 sinh viên (46,6%)

- Về cơ cấu đào tạo⁽¹²⁾

- + Hs đang học ở hệ Dạy nghề : 342.000 học sinh
- + Hs đang học ở hệ THCN : 500.252 học sinh
- + SV đang học ở hệ CĐ, ĐH : 1.363.167 sinh viên

Nếu tính trong suốt 20 năm đổi mới, chúng ta có kết quả⁽¹²⁾:

- ***Về cơ cấu tuyển sinh:*** CĐ, ĐH tăng trên **11 lần**, từ 37.404 SV năm 1986 lên 411.631 năm 2006; trong khi đó dạy nghề chỉ tăng khoảng trên **4 lần**, từ 53.000 học sinh ln 228.000 năm 2006.

- ***Về cơ cấu đào tạo:*** CĐ, ĐH tăng trên **10 lần**, từ 127.000 SV năm 1986 lên 1.363.167 SV năm 2006, còn dạy nghề chỉ tăng gần **3 lần**, từ 120.000 lên 342.000 học sinh năm 2006.

Những số liệu trên đã nói lên sự bất hợp lý trong cơ cấu tuyển sinh và cơ cấu đào tạo vì nó tạo ra hình tháp lật ngược “*Thầy nhiều hơn thợ*” là như vậy.

Nhìn chung, tỷ lệ PLHS sau THCS vào **THPT 79,8%** và **tỷ lệ tuyển sinh sau THPT vào CĐ, ĐH 46,64% rất cao**, đó là tỷ lệ của những nước phát triển. Chúng ta quen đi tắt đón đầu ngay cả trong lĩnh vực giáo dục, tạo ra “*hình tháp lật ngược*” trong cơ cấu đào tạo như nêu ở trên sẽ không phải là chính sách khôn ngoan. Cần điều chỉnh cơ cấu tuyển sinh theo hướng ***tăng số lượng tuyển sinh cho dạy nghề vì UNESCO cho rằng, giáo dục - đào tạo phải được phát triển theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước (tính GDP/đầu người) theo thứ tự ưu tiên như sau:***

+ Các nước chậm phát triển : **GDPT** - DN - ĐH

+ Các nước đang phát triển : **DN** - GDPT - ĐH

+ Các nước phát triển : **ĐH** - DN - GDPT

Hiện nay đáng lẽ chúng ta phải phát triển nhiều DN thì lại phát triển nhiều đại học; trong khi đó một số người lại nêu ra rằng thời kỳ “*đại học tinh hoa*” đã qua rồi, thay vào đó là “*đại học đại chúng*”. Như vậy giáo dục đại học và dạy nghề của chúng ta đã phát triển không phụ thuộc vào kinh tế mà phụ thuộc vào ý tưởng của một số người.

Phải nói thật là chúng ta có thói quen lấy mình làm thước đo chính mình, không có thói quen so sánh với các nước xung quanh. Vì thế trong thời điểm hiện nay, khi mà GDP/đầu người của chúng ta là 700USD chỉ bằng 1/85 Mỹ, 1/60 của Nhật, 1/43 của Đài Loan, 1/37 của Hàn quốc, 1/4 của Thái Lan, 1/3 của Trung Quốc ...*thì những người nêu ra “đại học đại chúng” chỉ là ảo tưởng phi thực tế, làm cho nền giáo dục nước nhà đi chệch hướng.*

4. Mất cân đối trong cơ cấu nguồn nhân lực

Muốn biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành một nước công nghiệp phát triển, đủ sức cạnh tranh trong điều kiện toàn cầu hóa thì ***cần có nguồn nhân lực đủ các cấp trình độ và được bố trí hợp lý.*** Nhưng, như trên đã trình bày, trong nhiều

năm qua cơ cấu đào tạo của chúng ta rất bất hợp lý, tất yếu dẫn tới *cơ cấu nguồn nhân lực bị mất cân đối nghiêm trọng*. Tỷ lệ ĐH/THCN/CNKT là :

- + 1/ 2,25/ 7,1% năm 1979⁽¹²⁾
- + 1/ 1,68/ 2,3 năm 1989 ⁽¹²⁾
- + 1/ 0,83/ 0,6 từ năm 1990 - 1995 ⁽¹³⁾
- + 1/ 1,16/ 0,92 năm 2004 ⁽¹⁴⁾

Trong thời kỳ đầu CNH, đại bộ phận lực lượng lao động của chúng ta làm việc với qui trình công nghệ nửa cơ giới và cơ giới thì cơ cấu nguồn nhân lực như trên là không thể chấp nhận. ***Hãy so sánh xem tập đoàn Sam Sung của Hàn Quốc ở Việt Nam hiện nay họ bố trí cơ cấu lao động như thế nào? Cứ 100 lao động có 4,5% kỹ sư; 16,7% trung cấp; 65,8% CNKT; 13% lao động phổ thông*** (nguồn: Tổng cục Dạy nghề 2006)

Tùy thuộc vào các giai đoạn phát triển tiến bộ khoa học kỹ thuật, trên thế giới người ta bố trí cơ cấu nguồn nhân lực theo hình tháp như sau :

- Khu vực dịch vụ theo tỷ lệ : ĐH/ THCN/ nhân viên = 1/4/10

- Khu vực công nghiệp theo tỷ lệ : ĐH/ THCN /CNKT :

+ Ở giai đoạn cơ khí hóa : 1 Ks + 4 TCấp + 60 CNKT lành nghề + 20 CN bán lành nghề và 15 lao động phổ thông.

+ Ở giai đoạn thiết bị tự động hóa một phần trong từng khu vực, cơ cấu nhân lực được bố trí là : 1 Cán bộ nghiên cứu + 17 kỹ sư + 21 kỹ thuật viên + 60 công nhân lành nghề + 11 công nhân bán lành nghề, không có lao động phổ thông.

- Ở giai đoạn tự động hóa toàn bộ mạng hệ thống chương trình và công nghệ thông tin phát triển thì cơ cấu nhân lực được bố trí ***theo hình tháp cụt*** : 4 cán bộ nghiên cứu + 25 kỹ sư + 50 kỹ thuật viên + 21 công nhân lành nghề. Giờ đây không có công nhân tay nghề thấp và không có lao động phổ thông, còn công nhân lành nghề giảm, ***xuất hiện loại công nhân “cổ trắng, cổ vàng”***, lao động của họ có tính chất trí tuệ cao gần giống như lao động của kỹ sư, nhưng nhân viên dịch vụ tăng và tăng cả số lượng kỹ sư và kỹ thuật viên. Các nhà khoa học cho rằng : Nhìn chung trong suốt các giai đoạn tiến bộ kỹ thuật, ***lực lượng nòng cốt của nền sản xuất công nghiệp bao giờ cũng vẫn là công nhân lành nghề***, chỉ khi nào bước sang nền kinh tế hậu công nghiệp (kinh tế tri thức) thì những người công nhân lành nghề ấy chuyển hóa dần thành kỹ thuật viên trung cấp và kỹ sư.

¹³ - GS.TS. Nguyễn Minh Đường (Chủ biên): *Đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực, chương trình KHCN cấp Nhà nước KX-07*. Hà Nội 1997.

¹⁴- Báo Sài Gòn Giải phóng 8/8/2004

Năm 1985, ở Hàn Quốc trong thời kỳ giữa công nghiệp hóa cơ cấu nguồn nhân lực được bố trí theo một tỷ lệ chung là 1/ 5/ 25.

5. Qui mô mở rộng nhưng chất lượng GD yếu

Một nguyên nhân cơ bản làm cho chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam thấp và giảm dần là do *chất lượng giáo dục của Việt Nam rất yếu*. Đáng rằng qui mô phát triển mạnh hơn trước nhiều lần, như đại học mở, đại học tại chức “bung ra” tràn lan khắp nơi, rất tùy tiện; đào tạo cao học, tiến sĩ quá mở rộng (không theo tiêu chuẩn chặt chẽ như trước kia), do vậy **chất lượng đang bị tầm thường hóa**, càng lên cao càng như vậy (có người gọi đại học là phổ thông cấp 4 - Báo An Ninh Thủ đô 8/8/08...) Biểu hiện phổ biến là:

- Vốn kiến thức cơ bản và văn hóa chung của HS phổ thông rất yếu.
- Khả năng sáng tạo và độc lập nghiên cứu của sinh viên rất yếu.
- Năng lực ứng dụng kiến thức đã học của thạc sĩ, tiến sĩ vào thực tiễn càng hạn chế.

Vì thế trong báo cáo về năng lực cạnh tranh toàn cầu của các nền kinh tế năm 2004-2005, diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) đã đánh giá chất lượng giáo dục của 104 nước theo thang điểm 7 thì **Việt Nam đạt 2,4 điểm xếp thứ 89/104**, trong khi đó Singapore đạt 5,8 điểm xếp thứ 2/104, Thái Lan: 3,2 điểm xếp thứ 65/104; Trung Quốc : 3,2 xếp thứ 66/104 ⁽¹⁵⁾ ...Cần lưu ý rằng đánh giá của WEF về năng lực cạnh tranh toàn cầu của các nền kinh tế có **một loạt các chỉ số** trong đó **chỉ số về giáo dục đại học Việt Nam xếp 93 là chỉ số thấp nhất trong các chỉ số** (báo cáo của tiến sĩ Lê Đăng Doanh tại hội thảo do Bộ GD-ĐT tổ chức ngày 12/11/2007). Khi chủ tịch Nguyễn Minh Triết thăm Mỹ, GS David Dapice cho biết : tỷ lệ đầu tư cho giáo dục ở Việt Nam cao nhất khu vực (4,3% GDP theo WB) nhưng sinh lợi thấp, hiệu quả chưa cao. Ông dẫn chứng năm 2006: Đại học Seoul có 4560 bài báo đăng trên tạp chí danh tiếng; Đại học Bắc Kinh 2892 bài; đại học NUS (Singapore) 3684 bài; Đại học Chulalongkon (Thái) 734 bài thì đại học Quốc gia và ĐHBK Hà nội của Việt Nam chỉ có 68 bài. Còn đầu năm 2008 hội đồng Đài Loan xếp hạng 500 trường đại học hàng đầu thế giới năm 2007 cho kết quả: Nhật 32 trường; Hàn Quốc và Trung Quốc 9 trường; Singapore 2 trường; Việt Nam không có trường nào (Báo Lao động 7/1/2008). Số liệu điều tra của Bộ GD-ĐT công bố tạo hội nghị toàn quốc đánh giá chất lượng giáo dục diễn ra tại TP Hồ Chí Minh ngày 5/1/08 làm người ta giật mình: 50% sinh viên tốt nghiệp làm việc tại các doanh nghiệp phải đào tạo lại.

¹⁵ - Trong cuốn The Global Competitiveness Report 2004 - 2005, tr488.

Những số liệu trên đây là tiếng chuông cảnh báo đối với các nhà trường, các nhà quản lý giáo dục và các cấp chính quyền từ trung ương tới địa phương suy nghĩ tìm cách nâng cao chất lượng đào tạo.

6. Chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh toàn cầu của nền kinh tế thấp và giảm dần

Về chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam rất thấp và đang giảm dần : Trong 3 năm (1998-2000), Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) đã đánh giá chất lượng nguồn nhân lực của 59 quốc gia để xếp hạng về lợi thế cạnh tranh bằng cách cho 100 điểm thì **chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam chỉ đạt 32/100** và năng lực cạnh tranh toàn cầu của nền kinh tế được xếp hạng như sau :

- + Năm 1998 được xếp hạng thứ 39/ 59 quốc gia.
- + Năm 1999 được xếp hạng thứ 48/ 59 quốc gia.
- + Năm 2000 được xếp hạng thứ 53/ 59 quốc gia.

Như vậy chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam giảm dần. Các nhà kinh tế thế giới cảnh báo rằng, các nền kinh tế có chất lượng lao động **dưới 35 điểm** đều có nguy cơ mất sức cạnh tranh trên toàn cầu. Đến năm 2006, một công trình khác của WEF cũng đánh giá chất lượng nguồn nhân lực của một số quốc gia theo thang điểm 10 thì **Việt Nam đạt 3,79 điểm** trong khi đó Trung Quốc 5,73 điểm; Hàn Quốc 6,91 điểm.

Chúng ta đều biết rằng, **phản ứng dây chuyền: chất lượng giáo dục yếu làm cho chất lượng nguồn nhân lực thấp mà điều này lại ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nước nhà**. Cũng theo báo cáo của WEF về năng lực cạnh tranh của các nền kinh tế trong 7 năm tiếp theo thì Việt Nam được xếp thứ: 60/75 quốc gia năm 2001; 65/80 năm 2002; 60/102 năm 2003; 77/104 năm 2004; 81/117 năm 2005; 77/125 năm 2006; 68/131 năm 2007. **Như vậy là năng lực cạnh tranh toàn cầu của nền kinh tế Việt nam 10 năm qua (1998-2007) yếu dần** và phụ thuộc rất lớn vào nguồn nhân lực. Nếu chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam tốt thì tăng trưởng kinh tế của nước nhà trong những năm qua chắc chắn không phải là 7-8% mà còn có thể cao hơn thế (8-9%).

7. Hệ thống GDQD hiện nay là một hệ thống sơ cứng, khép kín, cục bộ (chuyên gia Đức ví nó như là một tấm thảm vá, thiếu đường dẫn, cầu dẫn), thiếu mềm dẻo linh hoạt, thiếu hẳn sự liên thông dọc - liên thông ngang giữa các hệ thống nhỏ

Hệ thống giáo dục phổ thông chưa thực sự gắn kết với hệ thống giáo dục nghề nghiệp và hệ thống giáo dục đại học nhằm làm tốt chức năng chuẩn bị cho học sinh đi

vào các trường dạy nghề, THCN và CĐ, ĐH; *Hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đại học* cũng chưa phát huy được đầy đủ những thành quả của giáo dục phổ thông mang lại.

Khi xem xét mối quan hệ giữa 3 hệ thống giáo dục này người ta thấy nổi lên *sự bất bình đẳng giữa dạy nghề với giáo dục phổ thông, giữa dạy nghề với giáo dục đại học* không chỉ về mặt đầu tư tài chính cho dạy nghề thấp (năm 2006 là 6,5%), mà còn cả về qui mô tuyển sinh và cơ chế chính sách đối với người dạy người học, ngay cả cỡ con dấu nhỏ của các trường dạy nghề (28li) mà còn về con đường thăng tiến nghề nghiệp cho học sinh học nghề. Người ta có thể hỏi: Tại sao học sinh tốt nghiệp THPT dù giỏi hay kém đều được thi vào ĐH, CĐ, tình trạng đó đã gây nên “sự ùn tắc” “quá tải” như hiện nay; còn học sinh học nghề dù có xuất sắc cũng bị “chặn đứng” không có con đường đi lên. Sự bất bình đẳng này đã làm xuất hiện trong học sinh phổ thông *tâm lý khá phổ biến là không thích đi học nghề* vì học sinh học nghề cảm thấy bị phân biệt đối xử (nhất là trong tình hình hiện nay khi các trường THCN, CĐ, ĐH đều được mở hệ dạy nghề thì họ sẽ quan tâm tới cấp học cao hơn) kể cả sau khi ra trường công tác - từ đó dẫn đến số thanh niên thất nghiệp tăng lên, kéo theo sau nó là những tệ nạn xã hội khác.

Để giải quyết sự bất bình đẳng này, việc cần làm ngay là ***cải cách chính sách hướng nghiệp, phân luồng và liên thông*** trong hệ thống GDQD nhằm tạo cơ sở cho học sinh học nghề, học sinh THCN được quyền học tiếp CĐ, ĐH khi đã hội đủ các điều kiện nhập học, đồng thời *phải xây dựng hệ thống GDQD hoàn chỉnh*, trong đó **hệ thống dạy nghề phải được phát triển rộng khắp theo hướng đi từ trình độ thấp đến trình độ cao và phải được coi là một thành phần của hệ thống giáo dục suốt đời**. Cơ cấu hệ thống GDQD mới cần có **2 nhánh** : ***nhánh giáo dục hàn lâm như hiện nay*** gắn với các trường CĐ, ĐH phi sản xuất, ***còn nhánh kia là hệ thống giáo dục công nghệ*** đi từ thấp đến cao gắn với các trường CĐ, ĐH kỹ thuật sản xuất. Hai nhánh hệ thống giáo dục này được phát triển song song và hài hòa với nhau, bảo đảm tính liên thông dọc - ngang với nhau. Cần đặt công tác **hướng nghiệp, giáo dục công nghệ** (giáo dục tiền kỹ thuật) ở vị trí trung tâm trong công tác giáo dục của nhà trường và HS phải được hướng nghiệp, giáo dục công nghệ ngay từ tiểu học đến hết THPT. Trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân mới cần bổ sung, khôi phục ngay loại hình trường **trung học nghề** (THN) để HS vừa được học nghề, vừa được học văn hóa hết bậc bổ túc THPT như nhiều nước phát triển trên thế giới đã làm. Đây là loại hình giáo dục hấp dẫn đối với HS và phụ huynh của ta vì những lý do sau :

- THN là giải pháp tốt nhất của công tác **hướng nghiệp** để điều chỉnh cơ cấu PLHS trung học cơ sở từ 79,8% hiện nay vào THPT xuống còn 50% trong tương lai, số

lượng 29,8% HS còn lại đưa vào THN, từ đó giảm áp lực thi vào CĐ, ĐH, giảm tình trạng “dạy thêm học thêm” tràn lan.

- THN là con đường đào tạo đội ngũ CNKT có trình độ văn hóa THPT đáp ứng yêu cầu CNKT trong nền kinh tế tri thức.

- THN là con đường nhanh nhất để thực hiện phổ cập THPT trong tương lai.

- THN còn là con đường phân ban tự nguyện theo khối ABCD (vì tùy theo yêu cầu của nghề mà người học phải đáp ứng trình độ văn hóa theo khối nào), tránh được những khó khăn trong phân ban hiện nay. Khi tốt nghiệp THN, HS vừa có bằng tốt nghiệp bổ túc THPT, vừa có bằng nghề 3/7 thì các em có quyền **học liên thông lên CĐ, ĐH**; từ đó giải tỏa được băn khoăn của phụ huynh muốn con em mình được học lên cao; nếu không hội đủ tiêu chuẩn học liên thông thì các em có thể đi làm ngay vì đã có bằng nghề trong tay.

Ngày 5/12/2002 Bộ GD-ĐT đã ra “Quy chế tạm thời về đào tạo liên thông giữa các bậc đào tạo.”. Sau 5 năm (2002-2007) làm thí điểm Bộ GD-ĐT đã cho phép 66 trường ĐH, CĐ được đào tạo liên thông. Ngày 13/2/2008 Bộ GD-ĐT đã chính thức ban hành quy chế về đào tạo liên thông. Tuy nhiên mới thực hiện liên thông dọc, **chưa có liên thông ngang** và **chưa có liên thông với Dạy nghề**.

8. Hệ thống GDQD hiện nay đã xa rời nguyên lý giáo dục của Đảng : “học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội”.

Hệ thống giáo dục phổ thông chỉ mới dạy chữ, kiến thức văn hóa chung chung, coi nhẹ kiến thức kỹ thuật nghề nghiệp, coi nhẹ thực hành và lao động sản xuất. Vì thế, học sinh của chúng ta đi thi quốc tế bao giờ cũng đạt huy chương vàng ở môn toán, còn những môn đòi hỏi thực hành nhiều như lý, hóa, sinh thì rất hiếm. Lỗi đó tại nhà trường. Nhà trường phổ thông không chú ý dạy trẻ kỹ năng sống, kỹ năng thực hành, kỹ năng làm việc (kỹ năng lao động), không chuẩn bị cho các em ý thức sẵn sàng đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế ở từng địa phương và trong cả nước theo văn kiện Đại hội IX của Đảng đã đề ra. Nhà trường phổ thông chỉ “**thúc**” học sinh phải tiến lên hàng đầu bằng mọi giá mà không giáo dục các em rẽ ngang đi học nghề để vào đời. Đây là một trong những nguyên nhân làm xuất hiện trong học sinh tâm lý học để đi thi, để “**làm quan**”, coi đại học là con đường tiến thân duy nhất, “**phi đại học bất thành thân**”.

Hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đại học còn rất yếu về mặt thực hành, rèn luyện tay nghề cho học sinh, sinh viên. Vì thế mới có cảnh “**thầy không ra thầy, thợ**

không ra thợ”, nghĩa là KS, KTV... đa số nói là chính chứ bắt tay vào làm có nhiều khó khăn. Một kỹ sư mà không vận hành được máy, không biết sử dụng máy để gia công những sản phẩm đơn giản, không xử lý được những hỏng hóc thông thường của thiết bị, phương tiện dụng cụ ... thì không thể đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hiện nay (ví dụ: cuối năm 2004, công ty liên doanh Nhật Bản tổ chức thi kỹ năng đo lường cơ khí. Có 27 học sinh sinh viên của 7 trường Đại học, CĐ kỹ thuật tham gia. Chỉ có 3 em được tuyển: 1 em giải nhất thuộc về học sinh công nhân trường ĐH công nghiệp Hà Nội, 1 em giải nhì - sinh viên ĐHBK Hà Nội, 1 em giải ba - sinh viên ĐH Hàng hải Hải phòng).⁽¹⁶⁾

Hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đại học chưa gắn kết với các cơ sở sản xuất kinh doanh, chưa nắm bắt được nhu cầu của thị trường lao động và việc làm. Vì thế, nhiều học sinh sinh viên tốt nghiệp ra trường mà không tìm được việc nên xảy ra hiện tượng “*việc tìm người thì người không có*”; “*người tìm việc thì rất khó khăn*”. Rõ ràng là chúng ta đang “*thừa người nói có bằng cấp và thiếu người làm*” thực sự. Một cơ quan lao động đã thăm dò 7000 sinh viên tốt nghiệp đang “*đói*” việc làm, thu được kết quả : 30% không đi làm, sống dựa vào gia đình, 25% đi làm tiếp thị, 20% bán hàng thuê, số còn lại đi làm dịch vụ khác thuần túy bằng cơ bắp. Trong số đi làm trên chỉ 25 - 30% đúng chuyên môn, còn 70% là lao động phổ thông không cần phải đào tạo mặc dầu số này đã tốt nghiệp đại học⁽¹⁷⁾. Tại hội thảo “*Quản lý - chuyển giao công nghệ - đào tạo nhân lực*” được tổ chức tại Hà Nội tháng 10/1997, nhiều nhà khoa học nước ngoài đã nhận xét: hệ thống giáo dục Việt nam xuất hiện nhiều dấu hiệu đáng lo ngại như việc cấp bằng quá nhiều, đặc biệt ở trình độ cao... còn các nhà đầu tư nước ngoài thì phàn nàn rằng, *Việt Nam đang dư những người có bằng và thiếu công nhân cần thiết.*

Hiện nay các trường chuyên nghiệp và đại học chưa gắn kết được với doanh nghiệp, chưa thực hiện được “*hãy đào tạo cái mà doanh nghiệp cần, chứ đừng đào tạo cái mà nhà trường có thể làm được*”. Vì vậy gây ra hiện tượng “*thừa lao động không chuyên nghiệp*”, “*thiếu lao động có tay nghề*”. Cho nên tại buổi tiếp của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đầu năm 2007, ông Lý Quang Diệu cho rằng “*Việt Nam cần có thêm những kỹ sư giỏi, những người thợ lành nghề để thu hút đầu tư...*”⁽¹⁸⁾ Còn tháng 3/2007 Giám đốc ngân hàng Châu Á (ADB) cũng nhận xét: Việt Nam dự kiến tăng trưởng 8,3% năm 2007 và 8,5% năm 2008. Nhưng Việt Nam đang ***thiếu trầm trọng lao động tay nghề cao.*** Trong số lao động hiện nay chỉ có 25% có tay nghề so với mức 50% của khu vực. Các doanh nghiệp phải thừa

¹⁶ - Hoàng Xuân Nguyên : b/c tại hội thảo “NCKH gắn đào tạo trong hệ thống SFKT” tr174, HN tháng 12/2004.

¹⁷ - Báo QĐND ngày 1/5/2002.

¹⁸ Báo Lao động 17/1/2007

¹⁹ Báo Lao động 28/3/2007

nhận, *thiếu hụt lao động có tay nghề là khó khăn thứ ba của họ sau khó khăn về tài chính và đất đai...*»⁽¹⁹⁾

Phải chăng những ý kiến đó không có cơ sở? Nếu mục tiêu của giáo dục là sản xuất ra những mảnh bèo cho những người để làm bùa hộ mệnh cho cả đời hay làm hộ chiếu qua các cửa ải thì giáo dục như vậy là giáo dục sách vở, làm cản trở cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cần thiết phải xây dựng mối **liên kết 4 nhà: nhà nước - nhà trường phổ thông - nhà trường chuyên nghiệp, đại học - nhà doanh nghiệp trong giáo dục - đào tạo**; bảo đảm cho hệ thống giáo dục thực hiện tốt nguyên lý: *học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội.*

Cải cách cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân để khắc phục **8 yếu kém** nêu trên là một cuộc cách mạng vì nó đụng chạm đến nhiều cấp, nhiều ngành từ trung ương đến địa phương, vì nó đòi hỏi mọi người dân kể cả các cấp chính quyền cao nhất đến cấp cơ sở phải thay đổi nếp nghĩ từ *“làm quan sang làm lính”*, từ *“giáo dục làm thầy sang giáo dục kỹ thuật”*. Dân tộc ta có *“duyên nợ” làm thơ*, chứ không có *“duyên nợ kỹ thuật”* mà thiếu *“kỹ thuật”*, thiếu *“nghề nghiệp”* thì dân tộc ta mãi mãi *“luân quân”* trong cảnh đói nghèo vì chỉ có người ăn, thiếu người sản xuất, làm sao nói đến CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa được. Bởi vậy phải huy động lực lượng tổng hợp của toàn xã hội vào công cuộc cải cách giáo dục kỳ này.